TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T. T.** **THÀNH PHỐ H.**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2022/QĐST-DS	*T. T., ngày 23 tháng 05 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2021/TLST – DS ngày 08 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Bưu Điện L.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1,2,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường T., phường T., quận Hoàn Kiếm, thành phố H..

- Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S. – Tổng Giám Đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H. – Giám Đốc

Ông Mai Văn T. – Chuyên viên xử lý nợ

***Bị đơn**: Ông Nguyễn Xuân N., sinh năm 1987 và bà Đào Thị Hồng V., sinh năm 1989. Đều HKTT và nơi ở: xóm 4, xã V., huyện T., thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Xuân N. và bà Đào Thị Hồng V. phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L. tổng số tiền theo theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD121201982 ký ngày 03/5/2019 tạm tính đến ngày 13/5/2022 là: 117.268.153 đồng *(Một trăm mười bảy triệu hai trăm sáu tám nghìn một trăm năm ba đồng)*, trong đó nợ gốc 97.499.968 đồng; Nợ lãi trong hạn: 13.726.770 đồng; Nợ lãi quá hạn 5.195.248 đồng; Phạt chậm trả lãi: 846.167 đồng.

Kể từ ngày 14/5/2022, ông Nguyễn Xuân N. và bà Đào Thị Hồng V. phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD121201982 ngày 03/5/2019 và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân N. và bà Đào Thị Hồng V. không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ trên cùng lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số HDTD121201982 ngày 03/5/2019 và Khế ước nhận nợ thì ngân hàng TMCP Bưu điện L. có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 319(2), tờ bản đố số 01, diện tích 160,8m^2 tại xóm 4 xã V., huyện T., thành phố H. theo Giấy CNQSDĐ số CM 120838, số vào sổ cấp GCN: CS-TTI 07614 do sở Tài nguyên và Môi trường hành phố H. cấp ngày 30/7/2018 mang tên ông Nguyễn Xuân N.. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1226/2019/HĐTC do Văn phòng Công Chứng Dương H. ngày 03/05/2019 và đã được Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai H. – Chi nhánh huyện T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Xuân N. và bà Đào Thị Hồng V. đối với Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì, ông Nguyễn Xuân N. và bà Đào Thị Hồng V. vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện L.

3.*Về án phí:* Ông Nguyễn Xuân N. và bà Đào Thị Hồng V. chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **2.931.703** đồng (hai triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm linh ba đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V. số tiền **5.200.000** đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0022656 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T., thành phố H.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố H.;
- VKSND huyện T.T.;
- Chi cục THADS huyện T. T.;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đoàn Lan H.